

TÌM HIỂU CẤU TRÚC TRAO ĐÁP TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI NHÂN TỐ QUYỀN LỰC Ở PHẠM VI GIAO TIẾP PHÁP ĐÌNH TIẾNG VIỆT

ThS LƯƠNG THỊ HIỀN

1. Dẫn nhập

1.1. Những năm 70 của thế kỉ XX đã đánh dấu sự nở rộ của khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ liên ngành như ngôn ngữ học y học (medical linguistics), ngôn ngữ học giáo dục (educational linguistics), ngôn ngữ học sinh vật (biological linguistics)..., ngôn ngữ học pháp luật (forensic linguistics). Và theo thời gian khuynh hướng này ngày càng khẳng định vị trí cũng như những đóng góp đích thực của nó trong lĩnh vực ứng dụng ngôn ngữ. Nhiều nhà khoa học đã nhận thức được vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong các phạm vi giao tiếp pháp luật như hoạt động tố tụng của tòa án, hoạt động tư vấn của luật sư, hoạt động thẩm vấn, điều tra của cảnh sát... Khối liệu của ngôn ngữ học pháp luật mở rộng từ ngôn ngữ dạng viết (các văn bản quy phạm pháp luật) sang ngôn ngữ dạng nói (các bản ghi âm hội thoại được chuyển thể sang dạng văn bản). Tuy nhiên ở Việt Nam, ngôn ngữ giao tiếp pháp đình vẫn còn là một lãnh địa còn bỏ ngỏ.

1.2. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, quyền tư pháp được thực hiện qua hoạt động xét xử của tòa án và

các hoạt động của những cơ quan, tổ chức tư pháp liên quan đến hoạt động xét xử của tòa án nhằm bảo vệ chế độ và pháp chế Xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của xã hội. Do vậy, khi bước vào giao tiếp pháp đình, những nhân vật giao tiếp (NVGT) hiện diện không phải với tư cách cá nhân - mà là người đại diện cho tổ chức tư pháp, được trao quyền lực tư pháp theo quy định của pháp luật: chủ tọa và hội đồng xét xử giữ quyền điều hành phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và quyền giám sát hoạt động xét xử; luật sư hỗ trợ tư pháp, có quyền bào chữa và bảo vệ cho thân chủ. Tuy nhiên, tham gia vào giao tiếp pháp đình còn có những người tham gia phiên tòa, hiện diện với tư cách cá nhân, những con người cụ thể, gồm: bị cáo, bị hại (hoặc đại diện của bị hại), nhân chứng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Mạng quan hệ quyền lực trong giao tiếp pháp đình đa chiều, phức tạp; song về cơ bản có thể chia thành hai bậc quan hệ theo trục dọc. Bậc một là quan hệ giữa những người cùng thuộc hệ thống tư pháp

gồm hội đồng xét xử (chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân), đại diện Viện kiểm sát và luật sư (từ đây được gọi là NVGT bậc 1). Những người này có kiến thức chuyên môn luật: khả năng biểu đạt ngôn ngữ tốt và có hiểu biết sâu, kỹ về vụ án đang xét xử. Ở bậc quan hệ này, chủ tọa là người có quyền lực tối cao. Bậc hai là quan hệ giữa những người thuộc hệ thống tư pháp và những công dân thường không có chuyên môn ngành luật gồm bị cáo, bị hại (hoặc đại diện hợp pháp của bị hại), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhân chứng (từ đây được gọi là NVGT bậc 2). Các NVGT ở bậc quan hệ này khác biệt nhau ở nhiều yếu tố như thành phần xã hội, trình độ học vấn, trình độ văn hóa, nhận thức pháp luật, năng lực ngôn ngữ, tính cách cá nhân, mức độ hiểu biết về vụ án, thái độ và ý đồ giao tiếp... Quan hệ giữa những NVGT khác bậc là quan hệ lệch vai; quan hệ giữa những NVGT cùng bậc là quan hệ ngang vai. Quyền lực được biểu hiện rõ rệt nhất trong quan hệ lệch vai.

1.3. Những nhà phân tích diễn ngôn trường phái Birmingham (Anh) như Sinclair và Coulthard (1975), (1977), Stubbs (1983)... đã phát hiện ra cấu trúc tương tác gồm 5 bậc, trong đó cấp độ bậc dưới cấu thành nên cấp độ bậc trên (khi nghiên cứu tương tác lớp học):

(i) Bậc 1: cuộc tương tác (interaction): một tiết học;

(ii) Bậc 2: phiên giao dịch (transaction): những vấn đề cụ thể trong tiết học gồm nhiều vấn đề;

(iii) Bậc 3: cặp trao đáp (exchange): đơn vị được hình thành từ hai vận động trao lời và đáp lời của giáo viên và học sinh nằm trong phiên giao dịch;

(iv) Bậc 4: bước thoại (move): một đơn vị liên hành động trong diễn ngôn, có thể trùng với một lượt lời (turn - taking) và có thể gồm nhiều hơn một hành động;

(v) Bậc 5: hành động nói (act): đơn vị cơ sở nhỏ nhất của cuộc tương tác [3, 298]. Khác với khái niệm *hành động ngôn ngữ* (speech act) của Austin và Searle [3, 120 - 123] cho biết người nói/ người viết thực hiện hành động gì bằng ngôn ngữ tức mục đích nói; khái niệm hành động (act) của Sinclair và Coulthard dựa vào chức năng của các hành động đối với bước thoại, chẳng hạn hành động phát vấn (elicitation act) có chức năng nhằm nhận được câu trả lời.

Khái niệm *cặp trao đáp* (exchange) ở bậc 3 - với tư cách một thuật ngữ của phân tích diễn ngôn - được hiểu rộng hơn và linh hoạt hơn khái niệm “cặp” nghĩa là “hai sự vật, cá thể cùng loại” trong ngôn ngữ thông thường. Một cặp trao đáp có thể bao gồm 1 bước thoại, 2 bước thoại hoặc 3 bước thoại; song cặp trao đáp độc lập, lí tưởng theo Sinclair và Coulthard gồm có 3 bước thoại: Khởi phát (kí hiệu: I - Initiation); Hồi đáp (kí hiệu: R - Response); Phản hồi (kí hiệu: F - Followup). Thí dụ:

(1) I: *Em hãy cho biết từ "kho" trong cụm từ "đem cá về kho" có thể hiểu theo những cách nào?*

R: *Em thưa cô, kho có thể hiểu là hoạt động nấu kỹ cả cho ngắm gia vị hoặc là nơi chứa cất giữ cá a.*

F: *Đúng rồi, cảm ơn em!*

Bước thoại phản hồi F là một phát hiện của Sinclair và Coulthard bổ sung cho cặp kế cận (adjacency pair) I - R vốn được phân tích hội thoại Mỹ coi như là một công cụ chủ yếu. Bước thoại đóng vai trò là một dấu gạch nối tạo mối liên kết giữa các vận động tương tác - vừa phản hồi cho lời hỏi đáp của người thụ ngôn, vừa dẫn nhập cho hành động khởi phát tiếp theo của chủ ngôn. Trong mô hình cặp trao đáp I - R - F độc lập của Sinclair và Coulthard, các bước thoại R, F có thể có mà cũng có thể không. Các tác giả cũng chỉ ra cặp trao đáp I - R - F có thể bao chứa hoặc kéo theo những bước thoại khởi phát phụ thuộc (kí hiệu: Ib - bound initiation) như các mô hình cấu trúc trao đáp tái dẫn nhập: I - R - Ib - R - F, I - R - F - (Ib)* - R - F; trao đáp liệt kê: I - R - F - (Ib) - R - F - (Ib) - R - F; trao đáp nhấn mạnh: I - R - Ib - R... Mô hình 3 bước I - R - F được nhiều nhà phân tích diễn ngôn Anh cùng chia sẻ quan điểm, trở thành một phương pháp phân tích áp dụng cho những loại hình diễn ngôn trong đó có một người giữ toàn quyền điều khiển tương tác, kiểu như: bác sĩ - bệnh nhân, cảnh sát - nghi can, linh mục - các con chiên...

1.4. Với bài viết này, chúng tôi muốn thử nghiệm áp dụng cách phân tích cấu trúc trao đáp tương tác lớp học Anh (classroom) của Sinclair và Coulthard vào phân tích tương tác pháp

đình tiếng Việt (courtroom). Các dạng cấu trúc trao đáp được xem xét trong quan hệ với tham biến quyền lực. Kết quả sẽ cho thấy chiếc áo “cấu trúc trao đáp ba bước I - R - F” mà các nhà phân tích diễn ngôn Anh đưa ra có vừa vặn với cấu trúc tương tác pháp đình tiếng Việt hay không và yếu tố quyền lực có vị trí như thế nào trong các cấu trúc trao đáp ở ngữ cảnh giao tiếp pháp đình tiếng Việt.

2. Khảo sát cụ thể

2.1. Tư liệu khảo sát

Giao tiếp pháp đình là hình thức “giao tiếp đa thoại”, thành phần tham gia gồm có: hội đồng xét xử (quyền lực cao nhất là chủ tọa), đại diện Viện kiểm sát, luật sư, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhân chứng. Trên thực tế, không phải phiên tòa nào cũng có luật sư bào chữa cho bị cáo hoặc luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại. Tòa án chỉ định luật sư trong trường hợp bị cáo chưa đủ tuổi vị thành niên hoặc những vụ án đặc biệt nghiêm trọng mà khung hình phạt cao nhất là tử hình. Người viết đã dự thính nhiều phiên tòa, quan sát và ghi chép tốc kí 4 phiên tòa hình sự sơ thẩm gồm các loại án: lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiếp dâm trẻ em, cố ý gây thương tích và giết người; thời gian xét xử khoảng từ tháng 6/2010 đến tháng 8/2012 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngữ liệu được văn bản hóa để phân tích. Khảo sát 1425 cặp

* *Dấu ngoặc đơn trong các mô hình này nghĩa là thành phần trong ngoặc có thể có hoặc không.*

trao đáp trong 2980 lượt phát ngôn, chúng tôi thấy có 7 dạng cấu trúc trao

đáp, tỉ lệ xuất hiện được cụ thể hóa trong bảng sau:

Thứ tự	Cấu trúc trao đáp	Số lượng	Tỉ lệ %
1	I	131	9,2%
2	I - R	746	52,3%
3	I - Ib - I ^r - R	26	1,8%
4	I - R - I ^r - R ^r	50	3,5%
5	I1 - R1 - I2 - R2...- In - Rn	156	10,9%
6	I - R - F	168	11,8%
7	I - R - F/Ib - R	149	10,5%
	Tổng số	1425	100,0%

Ghi chú: khởi phát - I; hồi đáp - R; phản hồi - F; khởi phát phụ thuộc - Ib; hồi đáp phụ thuộc -Rb; khởi phát lặp - I^r; hồi đáp lặp - R^r)

Như vậy, cấu trúc trao đáp phổ biến nhất là cấu trúc I - R chiếm 52,3%; ba dạng cấu trúc I1 - R1 - I2 -R2...- In - Rn; I - R - F; I - R - F/Ib - R chiếm số lượng trên 10%, không chênh lệch nhiều và dạng cấu trúc I - Ib - I^r - R có số lượng thấp nhất 1,8%.

2.2. Phân tích và thảo luận các cấu trúc trao đáp trong tương quan với nhân tố quyền lực

2.2.1. *Bước thoại khởi phát - bước thoại đặc quyền*

Trong tổng số 1425 cặp trao đáp, chỉ có 20 cặp trao đáp có bước thoại khởi phát từ NVGT bậc 2, chiếm 1,4% tổng số. Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi, những bước thoại khởi phát của NVGT bậc 2 thường bị Hội đồng xét xử đáp lại bằng một cử chỉ, hành động vật lí tỏ thái độ không đồng ý (im lặng không hồi đáp; nhìn và vẩy tay cho đối tác ngồi xuống...) hoặc

ngắt lời bằng một phát ngôn gạt đi: *Ông/ bà cứ từ từ!; Tòa chưa hỏi đến ông/ bà; Ông/ bà ngồi xuống đi...* và tiếp tục hỏi người khác. Về nguyên tắc, theo điều 197 về nội quy của phiên tòa, những người được tòa án triệu tập để xét hỏi được trình bày ý kiến và người nào muốn trình bày phải được chủ tọa phiên tòa cho phép. Tuy nhiên, thực tế cho thấy Hội đồng xét xử không cho phép NVGT bậc 2 trình bày ý kiến một cách tự phát cho nên những bước thoại khởi phát của NVGT bậc 2 thường không nhận được hồi đáp tích cực của Hội đồng xét xử ngay tại thời điểm mà chúng phát sinh. Chỉ đến khi thấy ý kiến của NVGT bậc 2 là cần thiết thì Hội đồng xét xử mới chủ động thiết lập tương tác với NVGT đó. Như vậy, những bước thoại khởi phát nằm trong nỗ lực của NVGT bậc 2 muốn gây ảnh hưởng tới NVGT bậc 1 nhưng thất bại. Bởi vậy trong phần tiếp theo chúng tôi không xem xét những cấu

trúc trao đáp có chứa những bước thoại khởi phát này.

Có thể thấy trong giao tiếp pháp đình, bước thoại khởi phát là đặc quyền của NVGT nắm quyền lực tư pháp - NVGT bậc 1. Trong hội thoại đòi thường, để đảm bảo tương tác hài hòa, nhịp nhàng, các NVGT thực hiện bước thoại khởi phát luân phiên nhau, NVGT ở vị thế yếu hơn có thể thực hiện thương lượng hội thoại để giành vị thế giao tiếp mạnh tại một thời điểm nào đó trong toàn bộ tiến trình tương tác. Tuy nhiên, trong tương tác pháp đình, NVGT bậc 1 hoàn toàn chủ động nắm giữ khả năng mở ra các cấu trúc trao đáp, đồng nghĩa với việc chủ động kiểm soát những chủ đề tương tác được đưa ra. Đối với mỗi phiên tòa, hội đồng xét xử, đại diện Viện kiểm sát, luật sư đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án của các cơ quan điều tra trước đó, hình dung được mô hình diễn biến của sự việc và từ đó lên kế hoạch những thông tin cần làm sáng rõ. Nhận thức về chủ đề luôn có trước hoạt động giao tiếp, hệ thống chủ đề chi tiết được Hội đồng xét xử (người nắm quyền lực cao nhất là chủ tọa) chuẩn bị kỹ lưỡng, tỉ mỉ giống như một khung kịch bản gồm các bước đã định sẵn. Tính chất chủ động trong nhận thức đã giúp cho họ có được sự định hướng trong việc đưa ra những bước thoại khởi phát.

Vận động tương tác với tính chất chủ động điều khiển từ một phía diễn ra liên tục từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc, không bị đứt đoạn hay chệch hướng. Hiện tượng này đã chỉ ra một đặc điểm quan trọng của giao tiếp pháp đình, phân biệt với giao tiếp khẩu ngữ thông thường, đó là tính chất bất bình

đẳng được duy trì ổn định trong suốt quá trình giao tiếp.

2.2.2. Quyền lực biểu hiện trong cấu trúc trao đáp gồm một bước thoại

Cấu trúc trao đáp chỉ có duy nhất một bước thoại khởi phát thường xuất hiện ở cuối hoặc đầu mỗi giai đoạn xét xử, do chủ tọa phiên tòa thực hiện. Thí dụ:

(2) *Tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục, chuyển sang phần xét hỏi.*

Dạng cấu trúc trao đáp này không xa lạ với giao tiếp quy thức chẳng hạn như giao tiếp trong lớp học, giao tiếp trong cuộc họp của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội... Ở phạm vi pháp đình, bước thoại khởi phát cấu thành trao đáp đã cho thấy quyền lực tối cao của NVGT này trong hoạt động tổ chức, điều hành xét xử và giữ gìn trật tự tại phiên tòa; đồng thời chỉ rõ trình tự, thủ tục tổ tụng theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Quyền lực biểu hiện trong cấu trúc gồm 2 bước thoại và biến thể mở rộng

So sánh với cấu trúc cặp trao đáp I - R - F độc lập, lí tưởng theo quan niệm của Coulthard và Sinclair, dễ dàng nhận thấy cấu trúc hai bước thoại I - R và các biến thể mở rộng I - Ib - Ir - R, I - R - Ir^R, I1 - R1 - I2 - R2... - Iⁿ - Rⁿ đã vắng mặt bước thoại phản hồi thứ ba F. Sự có mặt hay vắng mặt bước thoại này tạo ra một thể đối lập giàu ý nghĩa trong việc biểu hiện quan hệ quyền lực giữa các NVGT. Trong lớp học, bước thoại phản hồi F của giáo viên thường mang đến thông tin nhận xét, bình luận, khẳng định, phủ định, chấp nhận, cảm ơn, khen tặng...

về bước thoại hỏi đáp R của học sinh. Nếu mang nội dung đánh giá tốt, bước thoại phản hồi ấy sẽ đem đến ảnh hưởng tốt về mặt tâm lý cho học sinh; còn nếu mang nội dung đánh giá còn hạn chế, bước thoại phản hồi sẽ điều chỉnh nhận thức của học sinh, đồng thời dẫn nhập cho một nội dung kiến thức mới. Có thể thấy, bước thoại phản hồi tạo ra một “chất keo” kết dính cộng tác hội thoại, kéo gần khoảng cách xã hội - quan hệ thân hữu (solidarity) giữa giáo viên - học sinh, tạo ra một bầu không khí nghi thức nhưng thân mật; đồng thời làm cho cấu trúc liên kết trong diễn ngôn thêm mạch lạc, chặt chẽ.

Xét từ quan điểm lịch sử của ngữ dụng học, hiện tượng vắng bước thoại phản hồi trong 68,5% tổng số cấu trúc trao đáp được khảo sát cho thấy tương tác giữa các NVGT tiềm tàng khả năng vi phạm phương châm lịch sử, chẳng hạn như NVGT bậc 1 không tỏ ra tán thưởng, đồng thuận với đối tác, không quan tâm đến nhu cầu, nguyện vọng của đối tác... Tuy nhiên, hiện tượng này lại diễn ra một cách hệ thống, được coi là bình thường, tất yếu trong ngữ cảnh diễn ngôn xét xử. Điều này có thể lý giải từ bản chất của ngôn ngữ pháp đình - ngôn ngữ được sử dụng như một công cụ để thực thi công vụ. Nhiệm vụ chính của chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, đại diện Viện kiểm sát, luật sư là làm sáng tỏ sự thật. Sự xuất hiện của những bước thoại phản hồi để tạo bầu không khí giao tiếp thân mật có nguy cơ làm lạc đi mục đích chính yếu, đồng thời cũng không thích hợp với tính tôn nghiêm của phiên tòa. Do đó, những NVGT

bậc 1 có quyền đòi hỏi thông tin, sử dụng thông tin đó phục vụ cho những phán quyết của mình về sau này (ở phần tuyên án), mà không cần cảm ơn người hỏi đáp về thông tin được cung cấp và cũng không phải thông báo cho đối tác giao tiếp biết quan điểm, ý kiến của mình về tính đúng sai, chân ngụy của thông tin. Tính chất một chiều, trực tiếp công khai của quan hệ quyền lực nổi lên như một đặc điểm bao trùm nhất trong cấu trúc 2 bước và các biến thể mở rộng.

Tuy nhiên, bên cạnh tính chất một chiều, trực tiếp tồn tại như một mẫu số chung trong các cấu trúc trao đáp, tùy vào dạng cấu trúc trao đáp cụ thể mà yếu tố quyền lực có thể được duy trì ổn định hoặc được mở rộng ở những khía cạnh phức tạp hơn, tinh tế hơn.

* Cấu trúc 2 bước thoại I - R:

Đây là cấu trúc quan trọng nhất trong các cấu trúc trao đáp tại phiên tòa, chiếm đến 52,3% tổng số cặp trao đáp. Cấu trúc này xuất hiện trong suốt tiến trình xử án, giữa những NVGT bậc 1 (chủ tọa/ thẩm phán/ hội thẩm nhân dân/ đại diện Viện kiểm sát/ luật sư) và NVGT bậc 2 (bị cáo/ bị hại hoặc đại diện bị hại). Đặc biệt, cấu trúc này chiếm ưu thế tuyệt đối trong phần kiểm tra căn cước, lí lịch giữa cặp tương tác chủ tọa và bị cáo, bị hại (đại diện hợp pháp của bị hại). Thí dụ:

(3) I: *Bố bị cáo tên là gì?*

R: *Bố bị cáo tên Đoàn Văn Đen.*

I: *Mẹ bị cáo tên là gì?*

R: *Mẹ bị cáo tên Nguyễn Thị Đông.*

Cấu trúc I - R trong phần thủ tục phiên tòa không nhằm mục đích khai

thác thông tin, bởi lẽ thông tin về các đối tượng tham gia phiên tòa như họ tên, tuổi, bố mẹ, nơi cư trú, trình độ học vấn, quan hệ hôn nhân... đã được chủ tọa nắm rõ trước khi phiên tòa bắt đầu. Chuỗi I - R mang tính chất cơ giới có tác dụng như một “bài học vỡ lòng” để những người tham gia phiên tòa có được khái niệm tối thiểu về tính tôn nghiêm và nghi thức của tòa án, về quyền và trách nhiệm cá nhân của mình ngay từ khi bắt đầu phiên tòa, tạo tâm thế sẵn sàng cộng tác với những người tiến hành tố tụng. Trong suốt quá trình xét xử, thực chất đằng sau mỗi bước thoại khởi phát mà NVGT bậc 1 đưa ra là một yêu cầu đối với NVGT bậc 2 phải thực hiện bước thoại hồi đáp; nghĩa là mật độ bước thoại khởi phát càng dày tỉ lệ thuận với mức độ tăng nặng của áp lực quyền lực bất bình đẳng giữa các NVGT.

* Cấu trúc trao đáp I - Ib - I^r - R:

Cấu trúc trao đáp này được mở rộng bởi bước thoại khởi phát phụ thuộc và bước thoại lặp chêm xen. Sau khi NVGT bậc 1 thực hiện bước thoại khởi phát đầu tiên, NVGT bậc 2 thay vì đưa ra bước thoại hồi đáp tương ứng, lại đưa ra bước thoại khởi phát phụ thuộc Ib. NVGT bậc 1 buộc phải tiếp tục thực hiện một bước thoại khởi phát I^r nữa bằng cách nhắc lại hoàn toàn câu hỏi hoặc diễn giải câu hỏi rõ ràng hơn. Bước thoại thứ tư R mới là bước thoại hồi đáp thực sự. Thí dụ:

(4) I: *Dẫn đến xô xát chưa?*

Ib: *Dạ?*

I^r: *Dẫn đến xô xát chưa hay chỉ nói nhau thôi?*

R: *Lúc đấy đang nói nhau.*

Về mặt tâm lý, NVGT bậc 2 thường ở trạng thái bối rối, bất ngờ, không chủ động... nên có những lúc dường như không hiểu nội dung bước thoại khởi phát của NVGT bậc 1, phải “hỏi lại” như là không chắc chắn lắm về điều đã được hỏi. Hiện tượng “hỏi lại” phần nào làm gián đoạn sự trôi chảy của tương tác nên xuất hiện với số lượng không đáng kể, chỉ 1,8% tổng số trao đáp. Cấu trúc trao đáp này chỉ rõ vị thế của NVGT có quyền lực thấp.

* Cấu trúc trao đáp I - R - I^r - R^r:

Dạng cấu trúc lặp I - R - I^r - R^r thực ra chỉ xoay quanh hai bước thoại trung tâm I - R. Thí dụ:

(5) I: *Có nhận thức được với tội này là...là... Đọc cáo trạng chưa?*

R: *Dạ bị cáo đọc rồi ạ.*

I^{r1}: *Có biết tội này khung hình phạt của nó là như thế nào không?*

R^{r1}: *Dạ có.*

I^{r2}: *Biết chưa? Há?*

R^{r2}: *Có.*

I^{r3}: *Có nhận thức được không? Có biết là em nó dưới 12 tuổi này, dưới 13 tuổi? Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi, mặc dù có đồng ý nhớ, là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.*

R^{r3}: *Vâng...*

Cấu trúc trao đáp này có cấu tạo dạng chuỗi, trong đó các bước thoại khởi phát I, I^{r1}, I^{r2}, I^{r3}... đồng dạng về nội dung; các bước thoại hồi đáp R, R^{r1}, R^{r2}, R^{r3}... cũng đồng dạng nội dung. Như vậy, sự có mặt của những bước

thoại khởi phát kéo theo của chủ thể giao tiếp có quyền lực không nhằm mục đích phát vấn đòi hỏi thông tin mới, bởi thông tin đã nhận được ngay từ hai bước thoại I - R đầu tiên. Điều mà chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, đại diện Viện kiểm sát, luật sư mong muốn khi sử dụng dạng cấu trúc này là bị cáo phải liên tiếp thừa nhận thông tin bất lợi cho mình, từ đó “ghim” được một thái độ, một hiểu biết hoặc một hành động quan trọng, là mấu chốt trong vụ án đang xét xử. Cấu trúc này gắn với mục đích của những người tham gia tố tụng: buộc bị cáo ý thức sâu sắc về hành vi phạm tội; khắc sâu nhận thức pháp luật của bị cáo. Mô hình này vừa tăng cấp quyền lực cho chủ thể thực hiện bước thoại khởi phát - chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, đại diện Viện kiểm sát, luật sư; vừa hạ cấp quyền lực của bị cáo dưới áp lực tâm lý tội lỗi đè nặng.

* Cấu trúc trao đáp I1 - R1 - I2 - R2...- Iⁿ - Rⁿ:

Cấu trúc chuỗi mở rộng I1 - R1 - I2 - R2...- Iⁿ - Rⁿ thực ra đều dẫn xuất từ hai bước thoại mở đầu chuỗi I1 - R1. Có thể coi I1 là đầu mối chủ đề, tùy theo R1 được hỏi đáp thế nào mà dẫn dắt đến I2, tùy theo R2 được hỏi đáp thế nào tiếp tục dẫn dắt đến I3... Cấu trúc chuỗi liên hoàn này khá linh hoạt, những bước thoại khởi phát phát sinh phụ thuộc vào thông tin mà bước thoại hỏi đáp trước đó đã cung cấp. Về bản chất, bước thoại khởi phát đến sau lặp lại phần thông tin cũ của bước thoại hỏi đáp trước nó, đồng thời đòi hỏi cung cấp thông tin mới có liên quan. Điểm dừng của chuỗi I1 - R1 - I2 - R2...- Iⁿ - Rⁿ hay số lượng bước thoại

mở rộng tùy thuộc vào việc người khởi phát đã thỏa mãn về thông tin hỏi đáp hay chưa. Thí dụ:

(6) I1: *Thế bị cáo có nghiện ngập gì không?*

R1: *Thưa Tòa có nghiện.*

I2: *Có nghiện. Lâu chưa?*

R2: *Bị cáo có nghiện mấy năm.*

I3: *Mấy năm rồi. Thế phương pháp nghiện là hút, hít hay chích?*

R3: *Thưa Tòa, bị cáo bằng cách hít ạ.*

I4: *Hít, hít tức là như nào? Đưa thẳng vào mũi hít à?*

R4: *Thưa Tòa bị cáo hít bằng mũi.*

Cấu trúc những bước thoại khởi phát mở rộng của NVGT bậc 1 thường bao gồm hai phần. Phần mở đầu nhắc lại thông tin “cũ” đã được NVGT bậc 2 cung cấp trong bước thoại hỏi đáp trước đó, với mục đích nhắc nhở đối tác giao tiếp phải tập trung vào chủ đề thoại, không được phép xao nhãng, tìm đường lùi hay trốn tránh. Phần còn lại tiếp tục yêu cầu NVGT bậc 2 bổ sung thêm thông tin mới, khai thác những tình tiết ở nhiều khía cạnh khác nhau. NVGT ở vị thế thấp bị “bao vây” bởi những bước thoại khởi phát xuất hiện liên tiếp của NVGT ở vị thế cao. Với dạng trao đáp này, NVGT bậc 1 biểu hiện khả năng kiểm soát cuộc thoại, dẫn dắt chủ đề đối với NVGT bậc 2 cả ở chiều dài và chiều sâu trong tương tác.

Nhìn chung, những NVGT thuộc hệ thống tư pháp đã xây dựng phần lớn các cấu trúc tương tác 2 bước thoại I - R và các cấu trúc biến thể mở

rộng để tìm kiếm thông tin cần thiết theo mục đích xét xử mà mình đã đề ra; song chính những cấu trúc trao đáp đó lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhân tố quyền lực. Nếu cấu trúc trao đáp hai bước chủ yếu được NVGT bậc 1 sử dụng để duy trì quyền lực thì những biến thể mở rộng của cấu trúc hai bước lại có giá trị làm tăng cấp quyền lực lên mức cao hơn, mở rộng quyền lực ở những khía cạnh phức tạp hơn.

2.2.4. Quyền lực biểu hiện trong cấu trúc gồm 3 bước thoại

Cấu trúc trao đáp 3 bước thoại I - R - F gồm có: bước thoại khởi phát I, bước thoại hồi đáp R và bước thoại phản hồi F. Nếu cấu trúc trao đáp này chiếm ưu thế trong tương tác lớp học theo nghiên cứu của Sinclair và Coulthard (1992) thì lại xuất hiện trong tương tác pháp đình với số lượng ít hơn, chiếm 11.8% tổng số trao đáp. Dạng bước thoại thứ ba của chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, đại diện Viện kiểm sát, luật sư trong tư liệu của chúng tôi phổ biến nhất là phát ngôn giáo dục pháp luật. Về hình thức, những bước thoại phản hồi này thường có cấu tạo là một chuỗi phát ngôn chứa nhiều thông tin. Về nội dung, những bước thoại này chủ yếu gồm hai dạng:

- Dạng thứ nhất là bước thoại phản hồi cung cấp hệ thống tri thức pháp luật mở rộng cho công dân như hành vi của bị cáo vi phạm quy phạm pháp luật nào, hành vi đó có đủ cấu thành tội phạm hay không và nếu có tội thì là tội gì, tương xứng với hình phạt nào ở những khung nào trên cơ sở tính đến những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... Thí dụ:

(7) I: *Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có ý kiến gì về hành vi của mình không?*

R: *Qua phiên tòa này thì bị cáo thấy là công việc ngay từ đầu của bị cáo không có ý nghĩ đó, luôn luôn suy nghĩ không bao giờ để khách hàng như vậy. Bị cáo không lừa dối khách hàng.*

F: *Bị cáo nhận thức thế là chưa đầy đủ về hành vi của mình đâu. Tòa đã nhắc bị cáo rất nhiều rồi. Đó không chỉ dừng lại ở việc tư vấn cấp vi sa. Số tiền bị cáo thu bị cáo không trả lại cho người ta. Nếu bị cáo trả lại thì người ta cũng không yêu cầu nữa. Bị cáo đã phải xem xét rất nhiều và trên thực tế có biên bản đã khai. Nếu tiền thu vào thì phải trả lại cho người ta, nhưng bây giờ không trả lại được thì bị cáo phải chịu trách nhiệm. Thành lập doanh nghiệp, tư cách làm giám đốc, không đơn giản.*

- Dạng thứ hai là bước thoại phản hồi thuyết phục, lay động tình cảm của bị cáo từ góc độ đạo lý xã hội, hình thành niềm tin vào công lý thể hiện qua các quy phạm pháp luật, phê phán những biểu hiện coi thường pháp luật. Quyền lực của NVGT bậc 1 không chỉ biểu hiện ở kích cỡ lượt lời ở bề mặt diễn ngôn; mà quan trọng nhất biểu hiện ở đặc tính áp đặt, thao túng tư tưởng và ý chí của bị cáo nằm ở bề sâu diễn ngôn. Nói một cách khác, một bên nếu có thể khiến bên còn lại thay đổi theo hành động ý chí của mình thì bên đó đã hoàn thành việc thực thi quyền lực. Thí dụ:

(8) I: *Thứ 2 là hôm nay bị cáo bị bắt tạm giam rồi, bây giờ đứng trước vành móng ngựa, bị cáo có thấy oan không?*

R: *Thưa tòa bị cáo không.*

F: *Không oan, đúng không? Cho nên bị cáo thấy, tôi rất buồn. Buồn vì mình thì trưởng thành rồi. Bố mẹ cho ăn học, học nghề làm ăn. Thế nhưng mà xã hội bây giờ nó nhiều cám dỗ lắm! (Nói to) Bây giờ mình là thanh niên thì mình phải có bản lĩnh, phải hiểu biết! Phải hiểu đó là cám dỗ. Mình phải có bản lĩnh, phải có tinh thần phân tích đúng sai, thế nào là đúng, thế nào là sai để không bao giờ mắc sai lầm...*

Từ thí dụ (8) và (9) có thể nhận thấy tính chất “phức hợp” đan xen giữa quan hệ quyền lực và quan hệ thân hữu (solidarity) trong bước thoại phản hồi F do NVGT bậc 1 thực hiện. Một mặt, NVGT nắm quyền lực tư pháp công khai áp đặt quan điểm, tư tưởng về pháp luật đối với NVGT ở vị thế thấp hơn - bị cáo, bị hại (đại diện bị hại). Xét rộng ra khỏi cặp tương tác, hệ thống đánh giá nằm trong bước thoại F còn thể hiện ý định áp đặt, thao túng quan điểm của số đông quần chúng tham dự phiên tòa. Sức mạnh của bước thoại phản hồi giống như một mũi tên trúng nhiều đích. Mặt khác, bước thoại phản hồi F làm thay đổi khoảng cách xã hội xa cách giữa những người tiến hành tố tụng - NVGT bậc 1 và những người tham dự phiên tòa - NVGT bậc 2. Ở một chừng mực nhất định, trong những tình huống xét xử nhất định, NVGT bậc 1 phần nào chủ động kéo gần khoảng cách giữa mình và đối tác bằng bước thoại phản hồi thuyết phục, phân tích thực tiễn, diễn giải lí luận... Hoạt động xét xử do đó vừa mang tính thi hành pháp luật vừa mang tính giáo dục.

2.2.5. Quyền lực biểu hiện trong cấu trúc gồm 4 bước thoại

Cấu trúc trao đáp gồm 4 bước thoại I - R - F/Ib - R gắn với những nút thắt thông tin đặc biệt quan trọng khi chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, đại diện Viện kiểm sát, luật sư tiến hành xét hỏi. Trao đáp 4 bước thoại này chiếm 10,5% tổng số trao đáp, tỉ lệ xuất hiện xấp xỉ trao đáp 2 bước mở rộng I1 - R1 - I2 - R2...- Iⁿ - Rⁿ và trao đáp 3 bước I - R - F ở trên. Thí dụ:

(9) I: *Có mâu thuẫn gì không?*

R: *Bị cáo không.*

F/Ib: *Không à?*

R: *Dạ không.*

Bước thoại thứ ba trong trao đáp này có chức năng “kép”: một mặt, bước thoại này đóng vai trò phản hồi (F) cho bước thoại hỏi đáp trước đó, biểu thị thái độ nghi vấn của NVGT bậc 1, mặt khác bước thoại này đóng vai trò khởi phát (Ib), đòi hỏi NVGT bậc 2 phải tiếp tục xác nhận tính chính xác thông tin của chủ ngôn và/ hoặc cung cấp thêm thông tin chi tiết. Về mặt hình thức, bước thoại kép này nhắc lại toàn bộ hoặc một phần thông tin của bước thoại hỏi đáp thứ hai dưới dạng câu hỏi sử dụng ngữ điệu lên giọng ở cuối câu hoặc câu hỏi trả lời đúng/ sai: *à, chứ gì, (đúng) không...* Bản chất bước thoại thứ ba F/Ib là một hành động đe dọa thể diện dương tính của đối tác giao tiếp - theo thuật ngữ của Brown và Levinson (1987); tiềm tàng khả năng vi phạm phương châm về chất - theo thuật ngữ của P.Grice (1975). Điều hết sức nên tránh trong những loại hình giao tiếp hướng đến

sự hài hòa, cộng tác giữa các cá nhân ở phạm vi hội thoại đời thường. Song khi tòa án xét xử, mục đích tôn trọng thể diện đối tác giao tiếp chưa phải điều cần đạt đến đầu tiên, quan trọng hơn cả là mục đích truy tìm sự thật. Bước thoại thứ tư với tư cách hồi đáp cho bước thoại khởi phát phụ thuộc chỉ là những phát ngôn xác nhận tính đúng sai của lời khai. Nếu như cấu trúc 3 bước là điểm độc đáo trong tương tác lớp học theo Sinclair và Coulthard thì cấu trúc 4 bước này lại là điểm độc đáo của tương tác pháp đình tiếng Việt. Xét dưới góc độ ngữ nghĩa, bước thoại phản hồi - khởi phát F/Ib này không mang đến thông tin mới; song xét dưới góc độ chức năng, nó biểu hiện yêu cầu của NVGT ở bậc 1 đối với NVGT ở bậc 2 về việc xác nhận tính chất đúng/sai của lời khai. Bị cáo, bị hại (đại diện bị hại) và nhân chứng bị chi phối bởi quyền lực của sự thật, tức bị đòi hỏi phải trung thực, không được phép mập mờ, thiếu minh bạch.

3. Kết luận

Trong hội thoại đời thường, xét từ góc độ chức năng xã hội của ngôn ngữ, nếu những cấu trúc trao đáp được hình thành dưới sự chi phối của nhân tố quyền lực bất bình đẳng sẽ tiềm ẩn nguy cơ phương hại đến tính công bằng, dân chủ và nhân văn. Song, trong giao tiếp pháp đình tiếng Việt, sự tồn tại của bảy cấu trúc trao đáp bất bình đẳng trong tương tác được xem xét ở trên vừa duy trì, vừa thực thi quyền lực tư pháp lại hữu ích và chính đáng. Những bước thoại khởi phát, bước thoại đặc quyền của chủ tọa, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, đại diện Viện kiểm sát, luật sư là công cụ cần thiết để thiết

lập trật tự trong phòng xử án và quản lý tiến trình tương tác, nói cách khác đây là điều kiện tiên quyết để giao tiếp pháp đình diễn ra trôi chảy, đạt hiệu quả giao tiếp. Về cơ bản, có thể quy các cấu trúc trao đáp trong tương tác giao tiếp pháp đình tiếng Việt thành 3 nhóm trong quan hệ với những đặc điểm khác nhau của tham biến quyền lực: Nhóm 1 gồm các dạng cấu trúc I, I - R, I - Ib - I^r - R, I - R - I^r - R^r gắn với tính chất quyền lực một chiều, trực tiếp, không cần che chắn của tương tác. Nhóm 2 là dạng cấu trúc I - R - F cho thấy quyền lực tư pháp gắn chặt với quan hệ thân hữu để thực hiện chức năng giáo dục pháp luật trong hoạt động tư pháp. Nhóm 3 là dạng cấu trúc 4 bước I - R - F/Ib - R vốn xuất hiện hạn chế trong hội thoại đời thường nhưng lại tương đối nhiều trong giao tiếp pháp đình tiếng Việt, đặt NVGT vị thế thấp dưới áp lực phải nói ra sự thật rõ ràng, minh bạch.

Tóm lại, việc xây dựng những cấu trúc trao đáp của những NVGT nắm quyền lực tư pháp có tính chiến lược cao đã giúp những NVGT nắm quyền lực tư pháp gìn giữ và tăng cấp sức mạnh/ tầm ảnh hưởng của mình khi cần thiết. Có thể thấy tính chất bất bình đẳng về quan hệ quyền lực được đóng khung trong những cấu trúc trao đáp tồn tại như một đặc điểm cơ bản. Tuy nhiên những phương diện khác nhau của quyền lực có thể được cộng hưởng, tăng mạnh hay giảm nhẹ... trong những cấu trúc trao đáp khác nhau. Cách tiếp cận cấu trúc tương tác của phân tích diễn ngôn Anh vận dụng vào phân tích tương tác pháp đình tiếng Việt đã cho thấy chiếc áo

“cấu trúc trao đáp ba bước I - R - F” có phần chặt hẹp tuy nhiên, giá trị gợi mở mà khung phân tích mà nó mang lại rất quan trọng. Điểm đáng lưu ý là sự vận dụng cần linh hoạt, phù hợp với đặc thù của loại hình giao tiếp, từ đó mới có thể rút ra được những chỉ dẫn cần yếu về cấu trúc trao đáp và quyền lực mà phân tích tương tác pháp đình là một minh chứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Coulthard, M., *An Introduction to Discourse Analysis*, Longman, London & New York, 1978.
2. Coulthard, M. and Johnson, A., *An Introduction to Forensic Linguistics: Language as an evidence*, Routledge, London, 2007.
3. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập II - Ngữ dụng học, Nxb GD, H., 2003.
4. Van Dorsten, B (ed.), *Forensic psychology: from classroom to courtroom*, Kluwer Academic/Plenum Publishers, New York, 2002.
5. Nguyễn Văn Khang (chủ biên), *Tiếng Việt trong giao tiếp hành chính*, Nxb Văn hoá Thông tin, 2002.

6. Fairclough Norman, *Language and Power*, Longman, London, 1992.

SUMMARY

From the points of view of British discourse analysis, the characteristics of power through seven exchange structures belonging to three groups in Vietnamese courtroom discourse are studied: (i) in the structures of the I, I-R, I-Ib-Ir-R and I-R-Ir-Rr which express an irreversible and direct power; (ii) in the three-step structure I- R- F which shows the power associated with the solidarity; (iii) in the four step structure I-R-F/Ib- R which indicates the power of the truth. The initial moves in the exchange structures belong exclusively to participants who hold judicial power. The three-step I - R- F framework of the British discourse analysis in this case is slightly narrow, but still can be applied in a flexible way to draw essential instructions of structural patterns and power for this specific interaction.